

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2015/HC-PT.**

Ngày: 22/5/2015.

*“V/v: Kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Huồn.**
 - Các thẩm phán: **Ông Y Thông Kbuôr và bà Lưu Thị Thu Hương.**
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.**

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: **Ông Đào Anh Thái** -
Chức vụ: Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 22/5/2015, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính, thụ lý số: 04/2014/TLPT-HC ngày 13/3/2015 về việc: *“Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*, do người khởi kiện kháng cáo, đối với bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2015/HC-ST ngày 05/02/2015, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2015/QĐPT-HC ngày 14/5/2015, giữa:

*** Người khởi kiện:** Ông Võ Đình S – Sinh năm 1964, (có mặt)

Địa chỉ: 170 đường Săm Brăm, phường Ea Tam, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người bị kiện:** Chi cục thuế thành phố B - tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: 27 đường Trường Chinh, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Quang T - chức vụ: Đội trưởng đội kiểm tra nội bộ Chi cục thuế thành phố B, (có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B.

Địa chỉ: 01 đường Lý Nam Đế, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Tiến M - chức vụ: Chuyên viên Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B, (có mặt).

2, Ủy ban nhân dân phường E - thành phố B.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đào Hồng V- cán bộ địa chính Phường E, thành phố B. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3, Bà Phan Thị H - sinh năm 1968, (có mặt).

Địa chỉ: 170 đường Săm Brăm, phường Ea Tam, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2014 và quá trình tố tụng người khởi kiện ông Võ Đình S trình bày:

Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 45, diện tích 456,5m², tại số 170 đường Săm Brăm, phường Ea Tam, thành phố B, mà vợ chồng ông đang sử dụng, có nguồn gốc là của ông Phan Quốc T (anh vợ ông) tặng cho vợ chồng ông từ năm 1987, cùng với căn nhà ván gỗ trên đất; ông T giao cho vợ chồng ông 01 đơn xin cấp đất làm nhà ở, được UBND xã Ea Tam xác nhận và UBND thị xã Buôn Ma Thuột chấp thuận; giấy tặng cho nhà và đất, được ông T viết tay; quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông làm mất các giấy tờ nêu trên.

Gia đình ông sử dụng nhà và đất ổn định, không có tranh chấp; năm 1993, gia đình ông làm đơn xin xác nhận nhà và đất ở, đối với thửa đất nêu trên và được UBND xã Ea Tam xác nhận; năm 2003, vợ chồng ông kê khai, làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất nêu trên và nộp hồ sơ cho UBND phường Ea Tam; hồ sơ được xét duyệt là đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng do cán bộ địa chính phường Ea Tam và cán bộ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong công tác, nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông bị dừng lại. Năm 2011, có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất nêu trên; ngày 13/11/2013, Chi cục thuế thành phố B, ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất, buộc gia đình ông phải nộp 40% giá trị quyền sử dụng đất, thửa đất nêu trên là 222.335.994,26đ; ngày 28/02/2014, gia đình ông có đơn khiếu nại; ngày 17/4/2014, Chi cục thuế thành phố B, ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số: 1527/QĐ-CCT, không công nhận yêu cầu khiếu nại của gia đình ông và giữ nguyên thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 13/11/2013.

Thông báo nêu trên của Chi cục thuế thành phố B, là trái pháp luật. Vì thửa đất nêu trên, gia đình ông sử dụng ổn định từ năm 1987 đến nay và không có tranh chấp, nên không thuộc đối tượng phải nộp tiền sử dụng đất. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 13/11/2013, của Chi cục thuế thành phố Buôn Ma Thuột.

Quá trình tố tụng, người bị kiện là Chi cục thuế thành phố B trình bày:

Ngày 11/11/2013, Chi cục thuế thành phố B, nhận phiếu chuyển thông tin địa chính, của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B, đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 45, diện tích 456,5m², tại số 170 đường Săm Brăm, phường Ea Tam, thành phố B, của hộ gia đình ông Võ Đình S, bà Phan Thị H. Căn cứ quyết định số: 02/2013/QĐ-UBND ngày 11/01/2013 của UBND tỉnh Đắk Lắk, quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, ngày 13/11/2013, Chi cục thuế thành phố B ban hành thông báo buộc gia đình ông S, nộp tiền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên là 222.335.994,26đ; thông báo nêu trên của chi cục thuế là đúng pháp

luật. Bởi lẽ, nguồn gốc thửa đất nêu trên, là do Hợp tác xã nông nghiệp Alê B, cấp cho ông Phan Quốc T làm nhà ở vào năm 1986 ; năm 1987, ông T tặng cho em gái là Phan Thị H; ông S và bà H sử dụng đất ở từ năm 1987 đến nay. Vì vậy, Chi cục thuế thành phố B, căn cứ khoản 4 điều 2 Nghị định số :120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ, quy định việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, về thu tiền sử dụng đất ; căn cứ khoản 2 điều điều 9 Thông tư số :93/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ tài chính, quy định việc sửa đổi, bổ sung thông tư số: 117/2004/TT-BTC ngày 03/12/2004 của Bộ tài chính, hướng dẫn thực hiện Nghị định số: 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, về thu tiền sử dụng đất ; để ban hành thông báo buộc hộ gia đình ông Sinh phải nộp 40% giá trị quyền sử dụng đất, thửa đất nêu trên, là có căn cứ; đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đình S.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phòng tài nguyên - môi trường thành phố B trình bày:

Ngày 10/10/2013, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, thuộc Phòng tài nguyên - môi trường thành phố B, nhận hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông V, đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 45, diện tích 456,5m², tại địa chỉ số 170 đường Săm Brăm, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột. Hồ sơ gồm có : Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất ; danh sách công khai số :08/UBND ngày 23/12/2011 của UBND phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, về trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ; đơn xin xác nhận đất ở và nhà ở, có xác nhận của khối 9 - xã Ea Tam, Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp A Lê B- xã Ea Tam năm 1993; biên bản xác minh nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất, nguyên nhân diện tích tăng, được UBND phường Ea Tam lập ngày 22/12/2011.

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, của hộ gia đình ông Võ Đình S, thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất; ngày 11/11/2013, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, lập phiếu chuyển thông tin địa chính, cùng với hồ sơ của hộ gia đình ông Sinh, đến Chi cục thuế thành phố Buôn Ma Thuột, để xác định nghĩa vụ tài chính đối hộ gia đình ông S. Chi cục thuế thành phố Buôn Ma Thuột, căn cứ vào các quy định của pháp luật, buộc hộ gia đình ông S phải nộp tiền sử dụng đất, đối với thửa đất nêu trên là đúng pháp luật.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường Ea Tam, thành phố B trình bày:

Ngày 27/9/2003, vợ chồng ông Võ Đình S, bà Phan Thị H, nộp hồ sơ tại phường Ea Tam, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, đối với thửa đất số 33, tờ bản đồ số 45, diện tích 412,5m², tại địa chỉ số 170 đường Săm Brăm, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, UBND phường Ea Tam đã thẩm tra hồ sơ, xác nhận đơn đăng ký quyền sử dụng đất và trả

hồ sơ cho hộ gia đình ông S. Sau đó, ông Sinh đã nộp hồ sơ tại Phòng nhà đất và đô thị, thuộc UBND thành phố B, để xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị H trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 45, diện tích 412,5m², tại địa chỉ số 170 đường Săm Brăm, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột; quá trình sử dụng đất; việc làm hồ sơ đăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đúng như chồng bà là ông Võ Đình S đã trình bày.

Bản án hình chính sơ thẩm số 03/2015/HC-ST ngày 05/02/2015, của TAND thành phố Buôn Ma Thuột, đã áp dụng: Khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 29, điều 123, điều 163, và 17 Luật Tố tụng hành chính; Nghị định số: 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; khoản 4 điều 2 Nghị định số: 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ, về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; khoản 2 điều 9 Thông tư số: 93/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung Thông tư số: 117/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ tài chính, hướng dẫn thực hiện Nghị định số: 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; Quyết định số: 02/2013/QĐ-UBND ngày 11/01/2013 của UBND tỉnh Đắk Lắk, quy định giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh Đắk Lắk; khoản 2 điều 34 Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009, của Ủy ban thường vụ quốc hội, quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đình S về việc yêu cầu: Hủy thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 13/11/2013 của Chi cục thuế thành phố Buôn Ma Thuột.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 10/02/2015, người khởi kiện là ông Võ Đình S có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm, xử sửa bản án sơ thẩm, hủy thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 13/11/2013 của Chi cục thuế thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Thẩm phán và hội đồng xét xử, đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính, trong quá trình giải quyết vụ án; xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện, VKS xét thấy: Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 45, diện tích 412,5m², tại địa chỉ số 170 đường Săm Brăm, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, có nguồn gốc là ông Phan Quốc Tuấn tặng cho vợ chồng Võ Đình S, Phan Thị H vào năm 1987; gia đình ông S sử dụng thửa đất nêu vào mục đích đất ở từ năm 1987 đến nay và không có tranh chấp; năm 2003, gia đình ông S làm hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất nêu trên tại Phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền xem xét. Căn cứ khoản 4 điều 50 Luật đất đai năm 2003, điểm a khoản 4 điều 3 Nghị định số: 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, thì vợ chồng ông S, bà H không phải nộp tiền

sử dụng đất, đối với thửa đất nêu trên. Chi cục thuế thành phố B, buộc hộ gia đình ông S nộp tiền sử dụng đất, đối với thửa đất nêu trên, là trái pháp luật; đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Đình S, xử sửa bản án sơ thẩm, hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 13/11/2013 của Chi cục thuế thành phố B.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo; người bị kiện, không sửa đổi hoặc hủy bỏ quyết định hành chính và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Xét đơn kháng cáo của người khởi kiện, còn trong hạn luật định, nên hợp lệ.

Xét đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy: Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 13/11/2013, của Chi cục thuế thành phố B, chứa đựng nội dung quyết định hành chính, buộc hộ gia đình ông Võ Đình S phải nộp tiền sử dụng đất, đối với diện tích đất 456,5m² thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 45, tại địa chỉ 170 Săm Brăm, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột; ông Võ Đình Sinh khởi kiện vụ án hành chính, đề nghị Tòa án hủy thông báo ngày 13/11/2013 của Chi cục thuế thành phố B. Việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng đúng thẩm quyền, được quy định tại khoản 1 điều 28 Luật Tổ tụng hành chính.

Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện, hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, thì thửa đất số 33, tờ bản đồ số 45, tại địa chỉ 170 Săm Brăm, phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột, có nguồn gốc do Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp Alê B, xã Ea Tam, thị xã Buôn Ma Thuột, cấp cho ông Phan Quốc T làm nhà ở vào năm 1986 ; năm 1987, ông T tặng cho em gái là Phan Thị H; vợ chồng ông S, bà H, sử dụng ổn định thửa đất nêu trên, vào mục đích đất ở từ năm 1987 đến nay, được UBND phường Ea Tam xác nhận là đất không có tranh chấp và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Căn cứ khoản 4 điều 50 Luật đất đai năm 2003, điểm a khoản 4 điều 3 Nghị định số: 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, thì vợ chồng ông S, bà H không phải nộp tiền sử dụng đất, đối với thửa đất nêu trên.

Chi cục thuế thành phố B nhận định cho rằng: hộ gia đình ông Võ Đình S, nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất nêu trên, tại thời điểm tháng 12/2011, nên áp dụng khoản 4 điều 2 Nghị định số: 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ ; khoản 2 điều 9 Thông tư số: 93/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ tài chính, để buộc hộ gia đình ông Võ Đình S phải

nộp 40% giá trị quyền sử dụng đất, đối với thửa đất nêu, là không có căn cứ. Bởi lẽ, căn cứ vào lời trình bày của UBND phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thì năm 2003 hộ gia đình ông Võ Đình S và bà Phan Thị H, đã nộp hồ sơ tại phường Ea Tam, để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, đối với thửa đất nêu trên; hồ sơ gồm có: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của bà Phan Thị H và ông Võ Đình S lập ngày 27/9/2003 được ủy ban nhân dân phường Ea Tam xác nhận ngày 29/9/2003 (BL66); Tờ trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND phường Ea Tam ngày 29/6/2004 (BL 64); Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai phường Ea Tam ngày 16/6/2004 (BL 62); Danh sách cấp giấy CNQSD đất ngày 29/6/2004 của UBND phường Ea Tam tên chủ sử dụng đất là bà Phan Thị H (BL 59).

Đối chiếu với quy định tại mục I Chương III Thông tư 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính, hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì hồ sơ xin đăng ký quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Võ Đình S và bà Phan Thị H đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đầy đủ vào năm 2004.

Việc UBND phường Ea Tam cho rằng: Sau khi tiếp nhận hồ sơ, UBND phường Ea Tam đã thẩm tra hồ sơ, xác nhận đơn đăng ký quyền sử dụng đất và trả hồ sơ cho hộ gia đình ông S. Sau đó, ông Sinh đã nộp hồ sơ tại Phòng nhà đất và đô thị, thuộc UBND thành phố Buôn Ma Thuột, để xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở. Bởi lẽ, theo quy định tại điểm đ khoản 3 mục I chương III thông tư 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính, thì nhiệm vụ này thuộc về UBND phường Ea Tam, nên UBND phường Ea Tam phải có trách nhiệm chuyển bộ hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất, đã hoàn thành thủ tục vào năm 2004, của hộ gia đình ông Võ Đình S, đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Võ Đình S.

Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, thuộc Phòng tài nguyên và môi trường thành phố B cho rằng: Không nhận được hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, của hộ gia đình ông Sinh vào thời điểm năm 2004; hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, đã ký nhận hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, của hộ gia đình ông S vào thời điểm năm 2004.

Việc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và UBND phường Ea Tam, yêu cầu hộ gia đình ông S, làm lại hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tháng 12/2011 và áp dụng khoản 4 điều 2 Nghị định số: 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ, để buộc hộ gia đình ông S phải nộp tiền sử dụng đất, đối với thửa đất nêu trên, là trái pháp luật. Bởi lẽ, khoản 2 điều 4 Nghị định số: 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, quy định : Trường hợp, người sử dụng đất đã nộp hồ sơ hợp lệ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại cơ

quan nhà nước có thẩm quyền trước ngày 01/01/2005 nhưng do cơ quan chức năng chậm làm thủ tục hoặc hướng dẫn lập hồ sơ không đúng quy định, đã thay đổi mẫu tờ khai, thay đổi thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà làm cho người sử dụng đất phải nộp lại hoặc nộp bổ sung hồ sơ, thì nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của người nộp hồ sơ, được xác định tại thời điểm đã nộp hồ sơ.

Khoản 1 Điều 8 Thông tư số: 93/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ tài chính, cũng quy định “*Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã kê khai và nộp đủ hồ sơ hợp lệ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất đang sử dụng hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đối với đất đang sử dụng không phải đất ở sang đất ở tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước ngày 01 tháng 3 năm 2011 thì áp dụng thu tiền sử dụng đất, theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định số:120/2010/NĐ-CP có hiệu lực*”.

Như vậy, Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 13/11/2013 của Chi cục thuế thành phố Buôn Ma Thuột, đã vi phạm: khoản 4 điều 50 Luật Đất đai năm 2003; điểm a khoản 4 điều 3 Nghị định số: 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 và khoản 2 điều 4 Nghị định số: 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, của Chính phủ ; Khoản 1 Điều 8 Thông tư số: 93/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 Bộ tài chính. Vì vậy, HĐXX phúc thẩm xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông Võ Đình S, sửa bản án sơ thẩm, tuyên hủy thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 13/11/2013 của Chi cục thuế thành phố B.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông Võ Đình S được chấp nhận, nên ông Võ Đình S không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Về các lễ trên:

Áp dụng khoản 2 Điều 205 Luật Tổ tụng hành chính; Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Đình S – Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; điểm a khoản 4 Điều 3 Nghị định số:198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 và khoản 2 điều 4 Nghị định số: 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, của Chính phủ; khoản 1 Điều 8 Thông tư số: 93/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ Tài chính.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đình S.

1, Hủy thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 13/11/2013 của Chi cục thuế thành phố B.

2, Về án phí:

Ông Võ Đình S không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Được nhận lại 200.000đ tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 24431 ngày 05/6/2014 và 200.000đ tiền tạm ứng án phí hành

chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 30087 ngày 13/02/2015, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Chi cục thuế thành phố B phải chịu 200.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA DS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
-
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Huân